

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-47
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-47



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 02 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Bá Huệ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Bính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/08/2025
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Đinh Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Số: 280825.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được lập ngày 25 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.746.881.068.462	1.526.027.552.999
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		5.909.893.474	42.242.862.847
111	1. Tiền	3	5.909.893.474	42.242.862.847
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	243.121.699.172	158.435.580.071
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		243.121.699.172	158.435.580.071
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		771.510.396.439	598.536.744.324
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	639.753.582.474	479.337.975.915
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	91.347.534.057	80.307.254.618
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	40.409.279.908	38.891.513.791
140	IV. Hàng tồn kho	8	690.791.498.150	683.944.075.529
141	1. Hàng tồn kho		690.791.498.150	683.944.075.529
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.547.581.227	42.868.290.228
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6.378.352.877	6.582.012.374
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29.169.228.350	36.286.277.854
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.067.059.151.299	945.184.229.393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.274.122.757	6.246.856.657
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	6.274.122.757	6.246.856.657
220	II. Tài sản cố định		281.472.922.989	293.145.285.013
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	172.538.437.797	174.016.757.053
222	- Nguyên giá		591.974.364.230	577.478.370.323
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(419.435.926.433)	(403.461.613.270)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	47.141.291.494	56.336.070.407
225	- Nguyên giá		59.370.836.858	67.409.423.358
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.229.545.364)	(11.073.352.951)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	61.793.193.698	62.792.457.553
228	- Nguyên giá		68.204.471.219	68.204.471.219
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.411.277.521)	(5.412.013.666)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	603.877.838.661	460.417.449.070
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		603.877.838.661	460.417.449.070
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	130.576.603.277	131.032.218.869
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		130.576.603.277	128.032.218.869
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		44.857.663.615	54.342.419.784
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	38.384.380.827	47.036.738.493
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.a	-	370.021.161
269	3. Lợi thế thương mại		6.473.282.788	6.935.660.130
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.813.940.219.761	2.471.211.782.392

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.059.226.320.557	1.723.493.618.126
310	I. Nợ ngắn hạn		1.665.603.409.267	1.338.284.164.221
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	349.053.172.208	278.615.664.605
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	56.691.946.687	68.040.488.517
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	23.490.645.245	21.122.532.154
314	4. Phải trả người lao động		13.613.759.796	16.602.439.323
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	13.780.778.017	14.450.223.537
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	23.723.249.303	61.230.124.075
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.162.603.226.825	864.219.493.965
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		22.646.631.186	14.003.198.045
330	II. Nợ dài hạn		393.622.911.290	385.209.453.905
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	21.099.282.863	48.552.878.934
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	150.000.000	150.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	359.332.345.646	323.254.050.154
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.b	13.041.282.781	13.252.524.817
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		754.713.899.204	747.718.164.266
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	754.713.899.204	747.718.164.266
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		450.000.000.000	450.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.010.480.000	40.010.480.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94.396.675.823	57.353.390.932
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		133.345.122.796	163.414.518.842
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		117.727.800.810	95.911.408.995
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		15.617.321.986	67.503.109.847
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		36.961.620.585	36.939.774.492
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.813.940.219.761	2.471.211.782.392

Huỳnh Thị Hải Yến
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



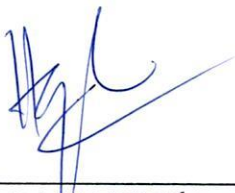
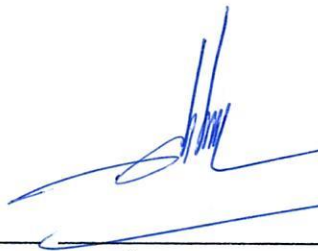
Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II,
Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.008.522.591.113	808.409.181.077
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	12.060.317	231
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.008.510.530.796	808.409.180.846
11	4. Giá vốn hàng bán	25	890.210.733.999	665.074.265.394
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		118.299.796.797	143.334.915.452
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	6.069.745.050	7.412.372.192
22	7. Chi phí tài chính	27	37.737.745.324	31.535.499.756
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		37.018.482.945	26.781.802.620
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		2.544.384.408	8.719.758.221
25	9. Chi phí bán hàng	28	33.984.807.427	37.598.718.871
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	32.761.090.660	30.621.779.238
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.430.282.844	59.711.048.000
31	12. Thu nhập khác	30	12.323.091	262.823.504
32	13. Chi phí khác	31	222.043.509	3.501.254.074
40	14. Lợi nhuận khác		(209.720.418)	(3.238.430.570)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.220.562.426	56.472.617.430
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	6.422.615.222	11.609.873.160
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.c	158.779.125	(211.242.036)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.639.168.079	45.073.986.306
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		15.617.321.986	45.073.986.306
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		21.846.093	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	347	1.002


Huỳnh Thị Hải Yến
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởngTrương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.220.562.426	56.472.617.430
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		18.592.146.773	19.260.775.902
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(44.846.830)	(2.945.491.846)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.320.331.367)	(9.795.744.900)
06	- Chi phí lãi vay		37.018.482.945	26.781.802.620
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		71.466.013.947	89.773.959.206
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(165.080.364.731)	7.990.455.619
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.847.422.621)	(115.126.344.177)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.275.220.975)	16.387.696.015
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.856.017.163	1.210.369.535
14	- Tiền lãi vay đã trả		(36.623.482.421)	(26.882.589.608)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(110.312.826)	(21.205.758.029)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(136.614.772.464)	(47.852.211.439)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(155.511.395.969)	(100.812.736.931)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	51.734.338.021
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(243.121.699.172)	(43.733.739.726)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		161.435.580.071	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.972.442.979	727.139.957
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(234.225.072.091)	(92.084.998.679)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		836.591.302.173	625.386.470.922
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(502.129.273.821)	(480.706.280.833)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(14.084.016.283)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		334.462.028.352	130.596.173.806
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(36.377.816.203)	(9.341.036.312)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		42.242.862.847	17.925.609.914
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		44.846.830	6.636.743
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.909.893.474</u>	<u>8.591.210.345</u>

Huỳnh Thị Hải Yến
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 02 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 450.000.000.000 VND; tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 686 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 667 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2025, Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tuy doanh thu của Công ty tiếp tục tăng trưởng 24,75% so với cùng kỳ năm 2024 từ 808,4 tỷ VND lên 1008,5 tỷ VND. Tuy nhiên giá vốn đã tăng 33,85% so với kết quả kinh doanh cùng kỳ năm 2024 từ mức 665,07 tỷ VND lên mức 890,2 tỷ VND, mức tăng giá vốn cao hơn mức tăng doanh thu dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm 17,47%. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa-nghuyên vật liệu (là hoạt động có biên lợi nhuận thấp), giảm hoạt động bán thành phẩm của Công ty (là hoạt động có biên lợi nhuận cao) để tăng khả năng thanh khoản, rút ngắn vòng quay vốn. Từ đó dẫn tới doanh thu tăng, giá vốn tăng nhưng lợi nhuận gộp giảm mạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	88,17%	88,17%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh BĐS cho thuê.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu tại thời điểm nhất định trong tương lai,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm
- Lợi thế quyền thuê đất	35	năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tiền điện, trích trước chi phí nhiên liệu khí áp thấp ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.544.814.431	3.972.514.779
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.365.079.043	38.270.348.068
	<u>5.909.893.474</u>	<u>42.242.862.847</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	243.121.699.172	-	158.435.580.071	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	243.121.699.172	-	158.435.580.071	-
Đầu tư dài hạn	-	-	3.000.000.000	-
- Trái phiếu	-	-	3.000.000.000	-
	243.121.699.172	-	161.435.580.071	-

(*) Tại ngày 30/06/2025, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 243.121.699.172 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,1%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	30/06/2025				01/01/2025			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND				VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Đồng Nai	45%	45%	130.576.603.277	Đồng Nai	45%	45%	128.032.218.869
				130.576.603.277				128.032.218.869

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 39.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	57.021.245.355	-	85.180.303.939	-
Công ty Cổ phần Vinagres	18.059.110.442	-	25.602.313.404	-
Royal American Wholesale	2.385.367.499	-	2.338.141.668	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	3.193.688.184	-	6.705.149.684	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	16.893.786.291	-	36.639.606.433	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Miền Tây	16.489.292.939	-	13.895.092.750	-
<i>Bên khác</i>	582.732.337.119	-	394.157.671.976	-
Công ty Cổ phần Top Tile	248.499.204.277	-	103.262.042.555	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	45.558.847.313	-	43.016.085.398	-
Care About Trading Co., Ltd	45.596.564.507	-	33.042.985.523	-
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	39.752.663.286	-	33.346.694.862	-
Phải thu khách hàng khác	203.325.057.736	-	181.489.863.638	-
	639.753.582.474	-	479.337.975.915	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	17.398.127.537	-	10.510.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu tư Royal House	4.835.363.153	-	10.510.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê	12.562.764.384	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp)

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân	5.177.871.694	-	6.895.833.094	-
Công Ty TNHH MTV Trang Minh Anh	4.941.943.291	-	4.941.943.291	-
Công ty TNHH MTV Võ Trường Phát	-	-	5.336.517.072	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tùng Thịnh Phát	-	-	6.875.194.154	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	42.719.588.429	-	32.225.032.044	-
Trả trước cho người bán khác	21.110.003.106	-	13.522.734.963	-
	91.347.534.057	-	80.307.254.618	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.350.260.184	-	1.546.756.204	-
Tạm ứng	82.181.000	-	-	-
Cho mượn	900.000.000	-	-	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (1)(2)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	918.530.344	-	1.241.563.393	-
Phải thu khác	158.308.380	-	103.194.194	-
	40.409.279.908	-	38.891.513.791	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a2) Chi tiết theo đối tượng				
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	872.638.258	-	1.136.361.599	-
Các Ngân hàng thương mại	2.350.260.184	-	1.546.756.204	-
Các đối tượng khác	1.186.381.466	-	208.395.988	-
	40.409.279.908	-	38.891.513.791	-
b) Dài hạn				
b1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	6.274.122.757	-	6.246.856.657	-
	6.274.122.757	-	6.246.856.657	-
b2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1.137.855.150	-	1.489.069.050	-
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	2.442.107.607	-	2.442.107.607	-
Các đối tượng khác	2.694.160.000	-	2.315.680.000	-
	6.274.122.757	-	6.246.856.657	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công Ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Royal	900.000.000	-	-	-
	36.900.000.000	-	36.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, phường Cát Lãi, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng.

Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ VND và đã thực hiện xong việc mua lô đất và xây dựng công trình trên đất. Hiện tại công trình đã hoàn thành nhưng chưa thể đưa vào sử dụng do Công ty và ông Huỳnh Sơn Tùng đang thực hiện các thủ tục để hoàn công công trình với cơ quan chức năng.

(2) Khoản thỏa thuận và giao việc cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm theo biên bản thỏa thuận số 06/HGK-NTBT/BBTT ngày 31/05/2022 về việc bà Nguyễn Thị Bích Trâm chủ sở hữu Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 43, phường Long Phước, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án Văn phòng showroom Royal Sintered Stone. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 6 tỷ VND.

Bà Trâm đã thực hiện mua xong lô đất và đang trong quá trình lên kế hoạch xây dựng.

Do Công ty đang tập trung thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 nên quá trình thực hiện xây dựng Dự án Văn phòng showroom Royal Sintered Stone sẽ được thực hiện sau khi Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 đi vào hoạt động. Công ty cũng đã thu hồi 1 phần tiền giao cho Bà Nguyễn Thị Bích Trâm số tiền 8,3 tỷ VND để tập trung tài chính cho dự án này.



8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	543.269.086	-	299.661.785	-
Nguyên liệu, vật liệu	179.545.332.695	-	102.085.045.670	-
Công cụ, dụng cụ	27.640.423.286	-	19.730.431.198	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.302.228.991	-	8.198.954.088	-
Thành phẩm	194.158.341.936	-	246.173.229.649	-
Hàng hoá	275.309.371.286	-	303.231.966.572	-
Hàng gửi đi bán	3.292.530.870	-	4.224.786.567	-
	690.791.498.150	-	683.944.075.529	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

9 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng RYG	2.688.878.800	925.925.926
- Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 (*)	601.188.959.861	458.261.523.144
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	-	1.230.000.000
	<u><u>603.877.838.661</u></u>	<u><u>460.417.449.070</u></u>

(*) Thông tin về dự án:

- Địa điểm xây dựng: Đường Số 8, KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, Đồng Nai;
- Mục đích xây dựng: Sản xuất gạch Porcelain tấm lớn, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu Tư Royal Sintered Stone (đổi tên từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang);
- Quy mô của dự án: diện tích khoảng 32.000 m²;
- Tổng mức đầu tư: 764.664.000.000 VND;
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến hoàn thành trong năm 2025;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2025: đang trong quá trình nghiệm thu, vận hành chạy thử.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	148.977.227.938	405.066.812.937	16.345.907.191	3.944.152.222	3.144.270.035	577.478.370.323
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.457.407.407	-	-	-	-	6.457.407.407
- Tăng từ mua lại tài sản thuê tài chính	-	8.038.586.500	-	-	-	8.038.586.500
Số dư cuối kỳ	155.434.635.345	413.105.399.437	16.345.907.191	3.944.152.222	3.144.270.035	591.974.364.230
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	87.967.599.515	301.590.176.487	10.348.255.877	2.748.318.391	807.263.000	403.461.613.270
- Khấu hao trong kỳ	2.781.467.974	8.739.676.908	895.020.896	185.499.285	157.213.500	12.758.878.563
- Tăng từ mua lại tài sản thuê tài chính	-	3.215.434.600	-	-	-	3.215.434.600
Số dư cuối kỳ	90.749.067.489	313.545.287.995	11.243.276.773	2.933.817.676	964.476.500	419.435.926.433
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	61.009.628.423	103.476.636.450	5.997.651.314	1.195.833.831	2.337.007.035	174.016.757.053
Tại ngày cuối kỳ	64.685.567.856	99.560.111.442	5.102.630.418	1.010.334.546	2.179.793.535	172.538.437.797

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.408.696.291 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.341.308.013 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	56.301.950.904	11.107.472.454	67.409.423.358
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(8.038.586.500)	-	(8.038.586.500)
Số dư cuối kỳ	<u>48.263.364.404</u>	<u>11.107.472.454</u>	<u>59.370.836.858</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.805.733.487	267.619.464	11.073.352.951
- Trích khấu hao	3.807.917.334	563.709.679	4.371.627.013
- Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.215.434.600)	-	(3.215.434.600)
Số dư cuối kỳ	<u>11.398.216.221</u>	<u>831.329.143</u>	<u>12.229.545.364</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	45.496.217.417	10.839.852.990	56.336.070.407
Tại ngày cuối kỳ	<u>36.865.148.183</u>	<u>10.276.143.311</u>	<u>47.141.291.494</u>

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Lợi thế quyền thuê (*)	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	565.248.000	67.639.223.219	68.204.471.219
Số dư cuối kỳ	<u>565.248.000</u>	<u>67.639.223.219</u>	<u>68.204.471.219</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	534.185.067	4.877.828.599	5.412.013.666
- Khấu hao trong kỳ	23.698.135	975.565.720	999.263.855
Số dư cuối kỳ	<u>557.883.202</u>	<u>5.853.394.319</u>	<u>6.411.277.521</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	31.062.933	62.761.394.620	62.792.457.553
Tại ngày cuối kỳ	<u>7.364.798</u>	<u>61.785.828.900</u>	<u>61.793.193.698</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 295.600.000 VND.

(*) Giá trị lợi thế quyền thuê đất khu công nghiệp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 292958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/12/2017 - thời hạn 35 năm 02 tháng, được xác định theo chứng thư thẩm định giá Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang số 22/05/02/DN ngày 31/05/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Việt Nam.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.378.352.877	6.299.517.113
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	-	84.999.998
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	197.495.263
	<u>6.378.352.877</u>	<u>6.582.012.374</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.746.439.354	7.674.439.100
Chi phí thuê thương hiệu (*)	29.000.000.000	35.000.000.000
Chi phí chương trình phần mềm	4.637.941.473	4.362.299.393
	38.384.380.827	47.036.738.493

(*) Chi phí sử dụng thương hiệu từ Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 giữa Công ty và Công ty TNHH Top Tile có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng với số tiền là 60 tỷ VND.

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Giá trị lợi thế thương mại của Công ty phát sinh khi mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone là 9.247.546.839 VND được phân bổ với thời gian 10 năm. Tại ngày 30/06/2025, giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ là 6.473.282.788 VND, giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ là 462.377.342 VND.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	2.599.164.601	2.599.164.601	5.766.195.325	5.766.195.325
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	-	-	2.332.101.636	2.332.101.636
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	1.110.861.878	1.110.861.878	-	-
Bên khác	346.454.007.607	346.454.007.607	272.849.469.280	272.849.469.280
Công ty Cổ phần Frit Huế	13.231.009.830	13.231.009.830	11.235.721.330	11.235.721.330
Công ty Cổ phần Công nghệ Hexagon	5.021.440.154	5.021.440.154	7.943.838.176	7.943.838.176
Forwell International (HK) Co., LTD	80.776.693.797	80.776.693.797	58.916.696.697	58.916.696.697
Phải trả các đối tượng khác	247.424.863.826	247.424.863.826	194.753.213.077	194.753.213.077
	349.053.172.208	349.053.172.208	278.615.664.605	278.615.664.605

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
b) Dài hạn				
<i>Bên khác</i>				
Forwell International (HK) Co., LTD	21.099.282.863	21.099.282.863	48.552.878.934	48.552.878.934
	<u>21.099.282.863</u>	<u>21.099.282.863</u>	<u>48.552.878.934</u>	<u>48.552.878.934</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	754.620.946	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê	700.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	54.620.946	-
<i>Bên khác</i>	55.937.325.741	68.040.488.517
Công ty TNHH VINAMEN	-	5.232.580.340
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	13.957.247.361	14.620.634.450
Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	-	6.263.766.598
Công Ty TNHH Trang Hòa	8.098.633.047	10.617.943.391
Các đối tượng khác	33.881.445.333	31.305.563.738
	<u>56.691.946.687</u>	<u>68.040.488.517</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	5.908.299.014	5.908.299.014	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	128.675.590	128.675.590	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15.458.865.622	6.422.615.222	110.312.826	-	21.771.168.018
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.719.451.916	1.121.260.706	2.136.635.395	-	1.704.077.227
Các loại thuế khác	-	2.944.214.616	3.000.000	2.947.214.616	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	20.225.000	4.825.000	-	15.400.000
	-	21.122.532.154	13.604.075.532	11.235.962.441	-	23.490.645.245

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.368.730.834	973.730.310
- Trích trước chi phí tiền điện	1.537.939.173	1.645.451.218
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	10.356.190.607	9.886.422.942
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	-	714.240.120
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	517.917.403	1.230.378.947
	13.780.778.017	14.450.223.537

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	5.742.627.622	5.316.761.822
- Bảo hiểm xã hội	3.139.215.092	2.788.258.228
- Bảo hiểm y tế	408.444.996	187.822.800
- Bảo hiểm thất nghiệp	176.794.153	83.252.800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	205.500.000	205.500.000
- Khoản mở LC Upas tại Ngân hàng TMCP Quân đội	-	49.999.944.261
- Khoản mượn tiền phục vụ hoạt động SXKD (*)	11.000.000.000	-
- Tiền lương RSS	490.254.700	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.560.412.740	2.648.584.164
	23.723.249.303	61.230.124.075
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Cán bộ Công nhân viên	2.540.210.948	2.573.206.322
- Công đoàn cấp cơ sở	5.682.668.302	5.316.761.822
- Cơ quan bảo hiểm	3.123.382.241	3.059.333.828
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	49.999.944.261
- Các đối tượng khác	1.376.987.812	280.877.842
- Nguyễn Minh Tuyển	1.600.000.000	-
- Lê Thị Vi Na	9.400.000.000	-
	23.723.249.303	61.230.124.075
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	150.000.000	150.000.000
	150.000.000	150.000.000
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH Quảng Lộc Phát	150.000.000	150.000.000
	150.000.000	150.000.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Lê Thị Vi Na (*)	9.400.000.000	-
	9.400.000.000	-

(*) Gồm các văn bản mượn tiền với ông Nguyễn Minh Tuyển và bà Lê Thị Vi Na với giá trị lần lượt là 1,6 tỷ VND và 9,4 tỷ VND. Các khoản mượn tiền này phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và không tính lãi suất và có thời hạn hoàn trả theo yêu cầu của bên cho mượn nhưng không ngắn hơn 1 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	833.835.440.802	833.835.440.802	774.672.367.425	495.336.693.001	1.113.171.115.226	1.113.171.115.226
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	154.281.071.705	154.281.071.705	145.666.394.694	146.000.286.217	153.947.180.182	153.947.180.182
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai (2)	108.702.665.268	108.702.665.268	54.617.347.258	55.625.329.766	107.694.682.760	107.694.682.760
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất (3)	144.612.906.773	144.612.906.773	90.216.921.496	87.168.608.332	147.661.219.937	147.661.219.937
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát triển - Chi nhánh Vũng Tàu (4)	120.376.628.422	120.376.628.422	89.863.156.450	85.570.141.021	124.669.643.851	124.669.643.851
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (5)	59.987.514.015	59.987.514.015	29.887.445.504	47.075.955.842	42.799.003.677	42.799.003.677
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định (6)	59.877.556.533	59.877.556.533	44.884.633.418	44.811.385.917	59.950.804.034	59.950.804.034
- Ngân Hàng TMCP An Bình Chi nhánh Sài Gòn (7)	99.997.098.086	99.997.098.086	20.000.000.000	20.024.985.906	99.972.112.180	99.972.112.180
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (8)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn (9)	-	-	119.788.241.008	-	119.788.241.008	119.788.241.008
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh tp. Hồ Chí Minh (10)	-	-	39.732.415.880	-	39.732.415.880	39.732.415.880
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (11)	6.000.000.000	6.000.000.000				
- Lê Thị Vi Na (12)	-	-	75.822.605.704	6.560.000.000	75.262.605.704	75.262.605.704
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (13)	-	-	8.000.000.000	2.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
			56.193.206.013	-	56.193.206.013	56.193.206.013

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp)

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	30.384.053.163	30.384.053.163	25.840.639.256	6.792.580.820	49.432.111.599	49.432.111.599
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (14)	5.069.966.000	5.069.966.000	2.831.016.400	3.138.747.200	4.762.235.200	4.762.235.200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (15)	18.128.525.305	18.128.525.305	19.600.000.000	-	37.728.525.305	37.728.525.305
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease (16)	5.250.531.354	5.250.531.354	2.442.107.604	2.686.318.368	5.006.320.590	5.006.320.590
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (17)	1.935.030.504	1.935.030.504	967.515.252	967.515.252	1.935.030.504	1.935.030.504
	864.219.493.965	864.219.493.965	800.513.006.681	502.129.273.821	1.162.603.226.825	1.162.603.226.825
b) Vay dài hạn						
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (14)	12.461.011.428	12.461.011.428	-	3.138.747.200	9.322.264.228	9.322.264.228
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (15)	320.468.644.061	320.468.644.061	61.918.934.748	-	382.387.578.809	382.387.578.809
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease (16)	11.355.800.370	11.355.800.370	-	2.686.318.368	8.669.482.002	8.669.482.002
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (17)	9.352.647.458	9.352.647.458	-	967.515.252	8.385.132.206	8.385.132.206
	353.638.103.317	353.638.103.317	61.918.934.748	6.792.580.820	408.764.457.245	408.764.457.245
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(30.384.053.163)	(30.384.053.163)	(25.840.639.256)	(6.792.580.820)	(49.432.111.599)	(49.432.111.599)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	323.254.050.154	323.254.050.154			359.332.345.646	359.332.345.646

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 30/06/2025 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa								
01/2024-HĐCVHM/NHCT682 - HOANGGIA	21/11/2024	150.000.000.000	153.947.180.182 VND	153.947.180.182	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai								
202025393705/L1/03	24/02/2025	110.000.000.000	100.272.810.785 VND và 282,492 USD	107.694.682.760	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
01/2024/7856791/HĐT D	12/07/2024	150.000.000.000	147.661.219.937 VND	147.661.219.937	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(4) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu								
510.368/24/DN	08/10/2024	155.000.000.000	124.669.643.851 VND	124.669.643.851	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai								
2024079/HDTD/QLN	30/09/2024	60.000.000.000	42.799.003.677 VND	42.799.003.677	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Gia Định								
240496.24.220.828327.TD	30/08/2024	70.000.000.000	59.950.804.034 VND	59.950.804.034	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch ốp lát	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 30/06/2025 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(7) Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Sài Gòn				99.972.112.180				
2747/24/TD/SME/029	21/09/2024	100.000.000.000	99.972.112.180 VND	99.972.112.180	Tài trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men các loại	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(8) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh				80.000.000.000				
VN12401531	13/11/2024	80.000.000.000	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(9) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn				119.788.241.008				
1061986.24	15/01/2025	150.000.000.000	119.788.241.008 VND	119.788.241.008	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, Hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty.
(10) Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh				39.732.415.880				
UOB/HCMC/CMB-HG-1004	09/01/2025	100.000.000.000	39.732.415.880 VND	39.732.415.880	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, các khoản phải thu theo hình thức thả nổi và bảo lãnh cá nhân trị giá 100 tỷ VNĐ thực hiện bởi ông Đình Việt Anh.
(11) Ngân hàng TMCP Quân Đội				75.262.605.704				
210711.24.220.329296 18.TD	16/05/2024	100.000.000.000	75.262.605.704 VND	75.262.605.704	Phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất Gạch Porcelain	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(12) Lê Thị Vi Na				5.500.000.000				
01/HDMT/2024-RSS	25/06/2024	8.000.000.000	5.500.000.000 VND	5.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.		0%	Tín Chấp
(13) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa				56.193.206.013				
01/2025 - HDCVHM/NHCT682 - RSS	15/04/2025	150.000.000.000	56.193.206.013 VND	56.193.206.013	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 30/06/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(14) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)			9.322.264.228	4.762.235.200				
SBL010202210047	28/10/2022	584.800.000	219.300.000	146.200.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	31/08/2022	6.821.071.780	3.149.291.700	1.799.595.200	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	10/03/2023	4.549.159.200	1.023.303.200	511.652.000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA của Xincheng International Co.,Ltd	52 tháng	10,5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất Xincheng International Co.,Ltd
SBL010202307039	01/08/2023	2.361.051.828	1.098.325.728	439.330.400	Đầu tư hệ thống bù gạch nhãn hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023	48 tháng	10,5%/năm	Hệ thống bù gạch nhãn hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023
SBL010202311033	21/11/2023	1.078.707.101	505.643.600	202.257.600	Đầu tư máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy	48 tháng	9,7%/năm	Máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy
SBL010202301025	31/01/2023	8.962.800.000	3.326.400.000	1.663.200.000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10,5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)/6+2. 01 máy phủ men khô model GL-P1200/L3.4WP

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 30/06/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(15) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa			382.387.578.809	37.728.525.305				
08/2023-HĐCVDADT/NHCT6 82-HGK	06/09/2023	400.000.000.000	382.387.578.809	37.728.525.305	Dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0	12 năm	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
(16) Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease C240200102			8.669.482.002	5.006.320.590				
CP-CILC00102.2024	14/03/2024	14.652.645.640	8.669.482.002	5.006.320.590	Máy móc thiết bị xưởng GTT2 - Hoàng Gia	60 tháng	8,73%/năm	Máy móc thiết bị xưởng GTT2 - Hoàng Gia
(17) Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- CN TP HCM			8.385.132.206	1.935.030.504				
2182400068	25/09/2024	9.513.900.000	8.385.132.206	1.935.030.504	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44	60 tháng	8,10%/năm	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	40.010.480.000	-	218.347.257.811	21.525.988.179	729.883.725.990
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	45.073.986.306	-	45.073.986.306
Số dư cuối kỳ trước	<u>450.000.000.000</u>	<u>40.010.480.000</u>	<u>-</u>	<u>263.421.244.117</u>	<u>21.525.988.179</u>	<u>774.957.712.296</u>
Số dư đầu năm nay	450.000.000.000	40.010.480.000	57.353.390.932	163.414.518.842	36.939.774.492	747.718.164.266
Lãi trong kỳ này	-	-	-	15.617.321.986	21.846.093	15.639.168.079
Phân phối lợi nhuận	-	-	37.043.284.891	(45.686.718.032)	-	(8.643.433.141)
Số dư cuối kỳ này	<u>450.000.000.000</u>	<u>40.010.480.000</u>	<u>94.396.675.823</u>	<u>133.345.122.796</u>	<u>36.961.620.585</u>	<u>754.713.899.204</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 31/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	37.043.284.891
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.643.433.141
Thù lao HĐQT, UBKT	6.700.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 12% vốn điều lệ)	54.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	17.090.898.272

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Đinh Việt Anh	20,80	93.600.000.000	20,80	93.600.000.000
Bà Lê Thị Vi Na	5,94	26.740.000.000	19,72	88.740.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê	10,71	48.166.000.000	15,08	67.860.000.000
Ông Huỳnh Quang Báo	3,60	16.200.000.000	3,60	16.200.000.000
Ông Trương Văn Việt	0,87	3.930.000.000	0,87	3.930.000.000
Các cổ đông khác	58,08	261.364.000.000	39,93	179.670.000.000
	100,00	450.000.000.000	100,00	450.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	450.000.000.000	450.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	205.500.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	205.500.000	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	94.396.675.823	57.353.390.932
	94.396.675.823	57.353.390.932

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê 90.171 m2 đất để xây dựng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 30/06/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo thời hạn thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.641.400.000	3.641.400.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.565.600.000	14.565.600.000
- Trên 5 năm	98.621.250.000	100.441.950.000
	116.828.250.000	118.648.950.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Ngoại tệ các loại	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.133,44	25.774,51
23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	228.149.850.551	126.834.139.754
Doanh thu bán thành phẩm	382.744.517.004	439.128.594.292
Doanh thu bán nguyên vật liệu	395.685.302.932	238.325.125.975
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.942.920.626	4.121.321.056
	<u>1.008.522.591.113</u>	<u>808.409.181.077</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	<u>224.445.632.598</u>	<u>69.921.075.278</u>
24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	12.060.317	-
Giảm giá hàng bán	-	231
	<u>12.060.317</u>	<u>231</u>
25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	251.533.567.941	106.349.226.169
Giá vốn của thành phẩm đã bán	238.409.352.338	324.233.948.036
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	398.858.862.836	229.506.712.216
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.408.950.884	4.984.378.973
	<u>890.210.733.999</u>	<u>665.074.265.394</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	<u>31.566.852.384</u>	<u>48.374.156.873</u>
26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.775.946.959	873.238.867
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.248.951.261	3.593.641.479
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	44.846.830	2.945.491.846
	<u>6.069.745.050</u>	<u>7.412.372.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	37.018.482.945	26.781.802.620
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	250.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	468.278.445	4.753.697.136
Chi phí tài chính khác	983.934	-
	<u>37.737.745.324</u>	<u>31.535.499.756</u>

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.627.761.480	2.144.714.643
Chi phí nhân công	5.570.551.389	7.978.780.568
Chi phí khấu hao tài sản cố định	463.409.750	156.702.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.763.256.722	27.234.913.238
Chi phí khác bằng tiền	559.828.086	83.607.925
	<u>33.984.807.427</u>	<u>37.598.718.871</u>

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	475.420.518	334.106.727
Chi phí nhân công	11.918.020.805	13.467.280.256
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.335.462.737	1.688.998.070
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.137.202.102	14.641.155.589
Chi phí khác bằng tiền	426.607.156	20.861.254
Phân bổ lợi thế thương mại	462.377.342	462.377.342
	<u>32.761.090.660</u>	<u>30.621.779.238</u>

30 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	202.747.812
Tiền phạt thu được	-	17.030.500
Thu nhập khác	12.323.091	43.045.192
	<u>12.323.091</u>	<u>262.823.504</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

31 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	139.180.133	777.176.291
Hàng khuyến mãi không thu tiền	82.863.376	2.724.077.783
	<u>222.043.509</u>	<u>3.501.254.074</u>

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	6.404.565.759	11.609.873.160
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Royal Sintered Stone	18.049.463	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>6.422.615.222</u>	<u>11.609.873.160</u>

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	370.021.161
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>-</u>	<u>370.021.161</u>

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	13.041.282.781	13.252.524.817
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>13.041.282.781</u>	<u>13.252.524.817</u>

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	370.021.161	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(211.242.036)	(211.242.036)
	<u>158.779.125</u>	<u>(211.242.036)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.617.321.986	45.073.986.306
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.617.321.986	45.073.986.306
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	45.000.000	45.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	347	1.002

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.032.058.320	225.148.703.937
Chi phí nhân công	56.661.256.384	61.388.161.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.129.769.431	18.798.398.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.480.204.135	91.134.351.989
Chi phí khác bằng tiền	1.605.693.583	102.228.419
	300.908.981.853	396.571.844.605

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền	4.365.079.043	-	-	4.365.079.043
Phải thu khách hàng, phải thu khác	680.162.862.382	6.274.122.757	-	686.436.985.139
Các khoản cho vay	243.121.699.172	-	-	243.121.699.172
	<u>927.649.640.597</u>	<u>6.274.122.757</u>	<u>-</u>	<u>933.923.763.354</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	38.270.348.068	-	-	38.270.348.068
Phải thu khách hàng, phải thu khác	518.229.489.706	6.246.856.657	-	524.476.346.363
Các khoản cho vay	158.435.580.071	3.000.000.000	-	161.435.580.071
	<u>714.935.417.845</u>	<u>9.246.856.657</u>	<u>-</u>	<u>724.182.274.502</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	1.162.603.226.825	359.332.345.646	-	1.521.935.572.471
Phải trả người bán, phải trả khác	372.776.421.511	21.249.282.863	-	394.025.704.374
Chi phí phải trả	13.780.778.017	-	-	13.780.778.017
	1.549.160.426.353	380.581.628.509	-	1.929.742.054.862
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	864.219.493.965	323.254.050.154	-	1.187.473.544.119
Phải trả người bán, phải trả khác	339.845.788.680	48.702.878.934	-	388.548.667.614
Chi phí phải trả	14.450.223.537	-	-	14.450.223.537
	1.218.515.506.182	371.956.929.088	-	1.590.472.435.270

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản phẩm Gạch Ceramic VND	Sản phẩm Gạch Porcelain VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	318.329.207.962	277.519.151.581	412.662.171.253	1.008.510.530.796
Chi phí bộ phận trực tiếp	263.367.410.725	221.400.288.714	405.443.034.560	890.210.733.999
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	54.961.797.237	56.118.862.867	7.219.136.693	118.299.796.797
Tổng chi phí mua TSCĐ				6.457.407.407
Tài sản bộ phận trực tiếp	768.201.836.405	669.717.753.036	995.849.045.084	2.433.768.634.524
Tài sản không phân bổ				380.171.585.237
Tổng tài sản	768.201.836.405	669.717.753.036	995.849.045.084	2.813.940.219.761
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	466.360.391.294	360.576.331.678	1.186.152.321.154	2.013.089.044.126
Nợ phải trả không phân bổ				46.137.276.431
Tổng nợ phải trả	466.360.391.294	360.576.331.678	1.186.152.321.154	2.059.226.320.557

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Theo khu vực địa lý

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	873.597.480.475	134.913.050.321	1.008.510.530.796
Tài sản bộ phận			2.813.940.219.761
Tổng chi phí mua TSCĐ			6.457.407.407

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale và là vợ của Ông Đinh Việt Anh.
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ ông Đinh Việt Anh. Công ty liên kết.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ ông Đinh Việt Anh.
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đinh Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán Vợ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.
Ông Đinh Việt Anh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ ông Đinh Việt Anh
Ông Trịnh Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm trong năm 2024)
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/08/2025)
Ông Phạm Đình Hoàng	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Anh Bình	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Cổ đông lớn của Công ty
Ông Phạm Hữu Phú	
Bà Lê Thị Vi Na	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Vinagres	224.445.632.598	69.921.075.278
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	115.945.448.928	20.816.314.621
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	32.408.902.088	1.197.600
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	36.245.127.418	27.065.903.526
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	-	9.733.309
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	39.846.154.164	14.364.130.555
	-	7.663.795.667

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mua hàng	31.566.852.384	48.374.156.873
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	203.320.000	32.811.625.323
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	9.946.200.984	1.050.195.550
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	787.940.000
Công ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	21.417.331.400	13.724.396.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Đinh Việt Anh	407.657.680	460.063.470
Ông Trịnh Xuân Hùng	-	402.713.050
Ông Phan Bá Hiệu	323.655.150	360.869.460
Ông Trương Văn Việt	381.801.960	360.262.440
Ông Phạm Hữu Phú	-	-
Ông Nguyễn Anh Bình	252.665.670	275.194.450
Ông Phạm Đình Hoàng	-	279.781.330
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	331.694.230	279.781.330

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

 <hr/> Huỳnh Thị Hải Yến Người lập	 <hr/> Nguyễn Thị Kim Loan Kế toán trưởng	 <hr/> Trương Văn Việt Tổng Giám đốc
--	---	---



Đồng Nai, ngày 25 tháng 08 năm 2025